

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 45/2021/DS-PT

Ngày 07 - 4 - 2021

V/v tranh chấp “quyền sử dụng
đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thuận Tùng.

Các Thẩm phán: Ông Khuru Để Dành
Ông Lê Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Phạm Trường San – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 258/2020/TLPT- DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 263/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thùy **Tr**, sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: Số 78/31/9 đường NV K, p 11, quận GV, thành phố HC M;

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Ngô Văn S, sinh năm 1972, nơi cư trú: Tổ 32, đường Nguyễn Văn Cừ, khóm 1, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Giấy uỷ quyền số 55 ngày 03/6/2016 (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Huỳnh Văn Bé H, sinh năm 1971 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 19, khóm An Hoà B, thị trấn BC, huyện TT, tỉnh AG;

2.2 Bà Trương Thị Bé H1, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 19 khóm An Hoà B, thị trấn BC, huyện TT, tỉnh AG.

Luật sư Phan Ngọc M - thuộc Đoàn Luật sư An Giang bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn vợ chồng Bé **H**.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Hồ Minh **Tr**, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 19 khóm An Hoà B, thị trấn BC, huyện TT tỉnh AG;

3.2. Anh Huỳnh Văn **H1**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 19 khóm An Hoà B, thị trấn BC, huyện TT, tỉnh AG;

3.3 Anh Huỳnh Văn Hữu **T**, sinh năm 2007 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 19 khóm An Hoà B, thị trấn BC, huyện TT, tỉnh AG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Hồ Thùy **Tr** cùng người đại diện trình bày:

Khoảng năm 1989, bà Trương Thị Xuân mẹ của bà Hồ Thùy **Tr** và bà Hồ Minh **Tr**, bà Xuân có nhận chuyển nhượng diện tích 92,92 m² (ngang 4,13 m, dài 22,5 m) của bà Trần Thị Phước. Đến năm 1995 mẹ của hai bà **Tr** thấy vợ chồng Huỳnh Văn Bé **H** và Trương Thị Bé **H1** không có nhà ở nên mới cho cất nhờ trên phần đất này, mục đích là giữ đất, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Năm 2014 bà Xuân qua đời, năm 2015 bà Thùy **Tr** mời vợ chồng ông Bé **H** qua nhà cho biết bà **Tr** sẽ liên hệ cơ quan chuyên môn để đăng ký quyền sử dụng đất, ông Huỳnh Văn Bé **H** cũng đồng ý. Khi cơ quan chuyên môn đến đo đạc thì vợ chồng Bé **H** rất hợp tác, sau khi đo xong đến Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc để ký xác nhận thì ông Huỳnh Văn Bé **H** không đồng ý ký tên, tự ý bỏ về và vẫn ở trên đất cho đến nay.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn Bé **H**, bà Trương Thị Bé **H1** cùng các con là Huỳnh Văn **H1** và Huỳnh Văn Hữu **T** di dời nhà trả lại diện tích đất nêu trên cho bà.

Do khi khởi kiện chỉ ước chừng diện tích đất là 92,92 m². Nay thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Huỳnh Văn Bé **H**, bà Trương Thị Bé **H1** cùng các con di dời nhà, cây trồng, vật kiến trúc trên đất để trả lại diện tích đất 91,5 m² theo bản trích đo địa chính ngày 18-4-2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn.

*Bị đơn ông Huỳnh Văn Bé **H** và bà Trương Thị Bé **H1** trình bày:*

Không thống nhất với ý kiến trình bày của bà Hồ Thùy **Tr**. Vợ chồng ông Bé **H** thừa nhận nguồn gốc đất đang tranh chấp là của bà Trương Thị X (mẹ ruột của bà Hồ Thùy **Tr** và Hồ Minh **Tr**, đồng thời cũng là cô ruột ông Huỳnh Văn Bé **H**), vợ chồng ông Bé **H** cho rằng khoảng tháng 6-1995, thấy ông mồ côi không có chỗ ở nên bà Xuân cho ông Bé **H** diện tích đất đang tranh chấp để cất nhà ở, do đất không đủ cất nhà nên bà Xuân có qua gặp ông Xiếu để xin thêm đất đủ cất nhà.

Do bà Trương Thị Xuân mẹ bà **Tr** đã hứa cho vợ chồng ông Bé **H** diện tích đất này và hiện vợ chồng ông Bé **H** đã cất nhà ổn định trên đất nên không đồng ý trả lại diện tích đất 91,5 m² theo yêu cầu của bà **Tr**.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hồ Minh **Tr** trình bày: Cha mẹ bà là ông Hồ Văn Hiền (mất năm 2015) và bà Trương Thị Xuân (mất năm 2014) cha mẹ bà chỉ có hai người con là bà và bà Hồ Thùy **Tr**, diện tích đất tranh chấp là của mẹ bà nhận chuyển nhượng lại từ bà Trần Thị Phước. Đối với việc vợ chồng ông Bé **H** cho rằng mẹ bà cho vợ chồng ông Bé **H** diện tích đất 91,5 m² đang tranh chấp là hoàn toàn không đúng. Nay bà thống nhất với ý kiến của bà Hồ Thùy **Tr** yêu cầu vợ chồng Bé **H** cùng các con đi dời nhà, cây và vật kiến trúc khác trả lại diện tích 91,5 m² tọa lạc tại đường Trần Thanh Lạc, Tổ 19 khóm An Hoà B, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cho chị Hồ Thùy **Tr**. Bà Minh **Tr** không có yêu cầu gì, mọi việc do bà Hồ Thùy **Tr** quyết định.

Anh Huỳnh Văn **H1** và Huỳnh Văn Hữu **T** đã được Tòa án triệu tập họp lệ, nhưng vắng mặt không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

- Lời khai của người làm chứng:

Ông Phan Văn Xiếu trình bày: Ông Xiếu không nhớ rõ năm nào vì đã lâu, bà Trương Thị Xuân có qua gặp ông để xin đất cất nhà cho vợ chồng ông Bé **H**, khi xin thì chỉ nói là xin thêm cho đủ cất nhà, chứ không nói là bao nhiêu và ông cũng đồng ý. Lúc bà Xuân hỏi là nói cất nhà cho vợ chồng Bé **H** chứ không nói là cho ở đậu hay cho luôn diện tích đất này. Ông chỉ biết sự việc như vậy, ông không có ý kiến gì về việc tranh chấp đất giữa bà Thùy **Tr** và vợ chồng ông Bé **H**.

Bà Dương Thị Vân trình bày: Bà Vân không nhớ rõ thời gian cụ thể, lúc đó vào buổi trưa bà Vân nghe bà Xuân mẹ bà **Tr** qua rủ mẹ bà đi đến nhà ông Xiếu để xin đất cất nhà cho vợ chồng ông Bé **H**, bà không có chứng kiến việc xin đất mà chỉ thấy bà Xuân rủ mẹ bà đi, hiện giờ mẹ bà đã qua đời, ngoài ra bà không biết gì khác.

Bà Lê Thị Tuyết Trinh trình bày: Bà Trinh không có quan hệ thân thuộc gì với bà Trương Thị Xuân và vợ chồng ông Bé **H**. Không nhớ rõ năm nào bà Trương Thị Xuân mẹ của bà Hồ Thùy **Tr** nhờ bà cầm tiền đến nhà bà Năm Phước để đưa tiền mua diện tích đất tại Tổ 19, khóm An Hoà B, thị trấn Ba Chúc, vị trí đất hiện đang tranh chấp giữa bà **Tr** và vợ chồng Bé **H**, khi giao tiền thì con dâu bà Năm Phước đếm tiền. Còn việc bà Xuân có hứa cho diện tích đất này cho vợ chồng Bé **H** hay không thì bà không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thùy **Tr** đối với vợ chồng ông Huỳnh Văn Bé **H**, bà Trương Thị Bé **H1** về tranh chấp quyền sử dụng đất, diện tích 91,5 m² tại tổ 19 đường Trần Thanh Lạc khóm An Hoà B, thị trấn Ba Chúc,

huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Buộc vợ chồng ông Huỳnh Văn Bé **H**, bà Trương Thị Bé **H1** và người có nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn **H1**, Huỳnh Văn Hữu **T** có trách nhiệm tháo dỡ, di dời căn nhà kết cấu mái tol, nền ximăng, vách tol + tre nứa và 01 cây chùc khoảng 05 năm tuổi, để trả lại cho bà Hồ Thùy **Tr** diện tích đất 91,5 m², số thửa cũ 194, tờ bản đồ cũ 17, số thửa mới 521, tờ bản đồ mới 17, đất tọa lạc tại đường Trần Thanh Lạc, Tổ 19, khóm An Hoà B, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (theo bản trích đo địa chính lập ngày 18-4-2017 của Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh Tri Tôn thì diện tích đất mà vợ chồng ông Bé **H** phải trả cho bà **Tr** có ký hiệu số tại các điểm 8, 20, 25, 22, 23, 11).

(Kèm theo bản gốc trích đo hiện trạng quyền sử dụng đất ngày 18-4-2017 của Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh Tri Tôn).

Ông Huỳnh Văn Bé **H**, bà Trương Thị Bé **H1**, anh Huỳnh Văn **H1** và Huỳnh Văn Hữu **T** được lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Huỳnh Văn Bé **H** có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thùy **Tr** số tiền 2.251.400 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi một nghìn bốn trăm đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, án phí và quyền yêu cầu thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật.

Diễn biến tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

Bị đơn phát biểu tranh luận: đồng ý di dời nhà trả đất nhưng yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ số tiền 150.000.000 đồng bao gồm công sức tôn tạo, giữ gìn nền đất 91,5 m² trong thời gian hơn 25 năm qua.

Luật sư Phan Ngọc Minh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử quan tâm xem xét mối quan hệ giữa ông Bé **H** và bà Xuân. Vào năm 1995 vì thấy hoàn cảnh Bé **H** côi cút, cơ cực nên bà Xuân cư mang xem như con ruột, bà Xuân lo nghề nghiệp, lo cưới vợ và cất nhà cho Bé **H**. Chứng cứ xác định đất cho Bé **H** thể hiện: Thứ nhất, vì muốn Bé **H** có chỗ ở ổn định cuộc sống nên bà cùng với bà **H1** Bê sang nhà ông Xiếu xin một phần đất cho Bé **H** cất được ngôi nhà vuông vức. Việc bà Xuân xin đất là hoàn toàn sự thật, trong quá trình xét xử sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông Xiếu luôn khẳng định và trong thâm tâm, ông Xiếu cho riêng đất Bé **H**. Thứ hai, quá trình sử dụng căn nhà của Bé **H** từ năm 1995 là đất thuộc khu trù mật của chế độ cũ do Nhà nước quản lý; Bé **H** là người đăng ký hộ khẩu thường trú và quá trình sử dụng có đóng góp công sức tôn tạo, giữ gìn; mặt khác, việc cho luôn hay cho ở nhờ đôi bên cũng không có gì chứng minh. Thứ ba, nhà đất hiện tại là chỗ ở duy nhất của vợ chồng Bé **H**, nếu phải di dời thì không có điều kiện về chỗ ở

khác. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Bé **H** yêu cầu chỗ ở ổn định hoặc nhận số tiền đủ để ổn định cuộc sống, vì vậy mong Hội đồng xét xử quan tâm xem xét.

Đại diện nguyên đơn phát biểu tranh luận: Tiếp tục yêu cầu Tòa án xem xét buộc bị đơn di dời nhà trả đất. Xác định đất cho mượn vì vợ chồng Bé **H** không chứng minh được bà Xuân cho đất. Ý kiến người làm chứng bà Nuôi, bà Trinh trình bày đất của ông Hiền, bà Xuân. Bên cạnh đó ông Bé **H** hoàn toàn không công sức gì trong việc tôn tạo mảnh đất nói trên nên yêu cầu hỗ trợ 150.000.000 đồng không có căn cứ xem xét. Đồng ý hỗ trợ 20.000.000 đồng. Ngoài ra, ông Bé **H** hiện vẫn còn đất nơi khác có thể cất nhà ở. (Có xác nhận của chính quyền địa phương nơi Bé **H** cư trú). Do đó đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Giữa nguyên đơn và bị đơn đều xác định diện tích 91,5 m² đất nền nhà tọa lạc tại khu vực chợ Ba Chúc là tài sản của bà Xuân. Vào năm 1995 bà Xuân cho vợ chồng Bé **H** ở nhờ, nay con bà Xuân là bà **Tr** khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất, án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp đất là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn yêu cầu hỗ trợ số tiền 150.000.000 đồng không được nguyên đơn chấp nhận nhưng nguyên đơn đồng ý hỗ trợ số tiền 20.000.000 đồng cho bị đơn di dời nhà, xét sự tự nguyện đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: ông Bé **H** cùng vợ bà Bé **H** là bị đơn nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Các bên đương sự đều có mặt nên HĐXX tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa phúc thẩm đôi bên cùng xác định diện tích đất tranh chấp là 91,5m² đất tọa lạc tại tổ 19 đường Trần Thanh Lạc khóm An Hoà B, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Theo bản gốc trích đo hiện trạng quyền sử dụng đất ngày 18/4/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Tri Tôn. Đồng thừa kế của bà Trương Thị Xuân gồm có bà Hồ Thùy **Tr** và bà Hồ Minh **Tr**, nhưng bà Minh **Tr** xác định phần đất tranh chấp với vợ chồng Bé **H** thuộc phần hưởng và toàn quyền quyết định của Thùy **Tr**, bà Minh **Tr** không yêu cầu gì. Nguyên đơn bà Thùy **Tr** thừa kế hợp pháp của bà Xuân yêu cầu vợ chồng ông, bà Bé **H** trả lại diện tích đất 91,5m² do bà Xuân (mẹ của 2 bà **Tr**) cho vợ chồng Bé **H** ở nhờ từ năm 1995, án sơ thẩm căn cứ quy

định tại Điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai 2013 và các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của vợ chồng Bé **H** cùng chứng cứ do cấp phúc thẩm thu thập cũng như lời khai của người làm chứng và các đương sự trình bày qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm thì thấy: Nguồn gốc đất xác định của bà Trương Thị Xuân (là cô ruột của ông Bé **H**), vì thấy hoàn cảnh cháu mồ côi nên bà cho ở và có hỏi xin người hàng xóm thêm phần nhỏ đất để cất đủ căn nhà, việc cho ở chỉ nói miệng, không làm giấy tờ. Nay bà Hồ Thùy **Tr** yêu cầu vợ chồng Bé **H** di dời nhà trả đất, án sơ thẩm căn cứ quy định pháp luật buộc bị đơn trả đất cho nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ số tiền 150.000.000 đồng làm chi phí di dời nhưng nguyên đơn chỉ đồng ý hỗ trợ 20.000.000 đồng. Xét quá trình sử dụng đất của Bé **H** từ năm 1995 có công sức giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị đất nên cần buộc nguyên đơn tăng thêm mức hỗ trợ, tạo điều kiện cho bị đơn có chỗ ở khác. Mặt khác, người làm chứng ông Phan Văn Xiêu trước tòa trình bày khi xưa thống nhất cho vợ chồng Bé **H** phần nhỏ đất để đủ chiều rộng cất nhà, vì vậy trong diện tích 91,5 m² có một phần là của Bé **H** được ông Xiêu cho. Ngoài ra, quá trình hòa giải tranh chấp đất đai ở cơ sở bà Thùy **Tr** có ý muốn hỗ trợ số tiền 100.000.000 đồng và lo chỗ ở cho vợ chồng Bé **H** nếu tự nguyện giao trả đất.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nghĩ nên buộc nguyên đơn bà Hồ Thùy **Tr** có nghĩa vụ giao cho bị đơn số tiền tương đương 100.000.000 đồng.

[5] Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309, khoản 2 điều 148 của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn Bé **H**, bà Trương Thị Bé **H1**.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai 2013;

Khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1, khoản 5 Điều 26 và điểm b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thùy **Tr** đối với ông Huỳnh Văn Bé **H**, bà Trương Thị Bé **H** về tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 91,5 m² tại tổ 19 đường Trần Thanh Lạc, khóm An Hoà B, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Buộc ông Huỳnh Văn Bé **H**, bà Trương Thị Bé **H1** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn **H1**, Huỳnh Văn Hữu **T** có trách nhiệm tháo dỡ, di dời căn nhà kết cấu mái tol, nền xi măng, vách tol + tre nửa và 01 cây chùc khoảng 05 năm tuổi, để trả lại cho bà Hồ Thùy **Tr** diện tích đất 91,5 m², (số thửa cũ 194, tờ bản đồ cũ 17, số thửa mới 521, tờ bản đồ mới 17), đất toạ lạc tại đường Trần Thanh Lạc, Tổ 19, khóm An Hoà B, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (theo bản trích đo địa chính lập ngày 18-4-2017 của Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh Tri Tôn thì diện tích đất mà vợ chồng ông Bé **H** phải trả cho bà **Tr** có ký hiệu số tại các điểm 8, 20, 25, 22, 23, 11).

(Kèm theo bản gốc trích đo hiện trạng quyền sử dụng đất ngày 18-4-2017 của Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh Tri Tôn).

Ông Huỳnh Văn Bé **H**, bà Trương Thị Bé **H1**, anh Huỳnh Văn **H1** và Huỳnh Văn Hữu **T** được lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Hồ Thùy **Tr** có nghĩa vụ giao số tiền 100.000.000 đồng cho ông Huỳnh Văn Bé **H**, bà Trương Thị Bé **H1** để di dời nhà.

Về chi phí tố tụng: ông Huỳnh Văn Bé **H**, bà Trương Thị Bé **H1** có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thùy **Tr** số tiền 2.251.400 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi một nghìn bốn trăm đồng).

Về án phí: ông Huỳnh Văn Bé **H**, bà Trương Thị Bé **H1** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000447 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Bà Hồ Thùy **Tr** được nhận lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số TU/2015/0006162 ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADSH.Tri Tôn;
- TAND.H.Tri Tôn;
- Tòa Dân sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Thuận Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khuu Để Dành-

Lê Hồng Sơn

Lâm Thuận Tùng

